

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ - ST

Ngày 30/3/2021

Về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Hè.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Là - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27/11/2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 199*;

Đăng ký HKTT: Thôn TT, xã BK, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn DT, xã TD, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 199*;

Địa chỉ: Thôn TT, xã BK, thành phố HY, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** (Con chung của chị H và anh Q): Cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 01/9/2018, hiện đang do chị H nuôi dưỡng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên, bị đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Q quen biết nhau qua mạng Internet, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BK ngày 30/9/2017, tổ chức đám cưới ngày 01/10/2017. Hiện bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã bị thất lạc.

Theo chị H thì cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh Q thời gian qua hay xảy ra mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính nết không hợp nhau, anh Q gia trưởng, đã nhiều lần dùng bạo lực đối với chị để giải quyết

mâu thuẫn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 10/2020 chị H đã bế con về nhà đẻ sinh sống, từ đó đến nay sống ly thân. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh Q, không đồng ý với nguyện xin được đoàn tụ của anh Q.

Theo anh Q thì cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị H thời gian qua có xảy ra một số mâu thuẫn là đúng, từ năm 2018 chị H đã một lần làm đơn xin ly hôn, nhưng được bố, mẹ hai bên gia đình động viên nên không nộp đơn ra Tòa. Sau khi lên Hà Nội làm ăn, thời gian đầu việc làm ăn thuận lợi, vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên từ khi có dịch Covid-19, việc làm ăn không có hiệu quả, thu nhập bấp bênh, thua lỗ nên vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn hơn. Đầu tháng 10/2020 âm lịch vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do không kìm chế được bản thân nên anh có dùng dây sạc điện thoại vút vào lưng, chân chị H, sau đó chị H bế con, bắt xe về nhà ngoại ở. Đến nay anh Q xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H, hơn nữa vì thương con nên anh xin được đoàn tụ để vợ chồng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị H và anh Q đều khẳng định có một con chung là cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 01/9/2018, hiện đang ở với chị H. Chị H và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị H và anh Q đã tự thỏa thuận giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung này.

Ông Nguyễn Văn H (là bố đẻ anh Q) và ông Nguyễn Văn T (bố đẻ chị H) đều xác nhận thời gian qua vợ chồng chị H và anh Q đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân, mỗi lần như vậy hai bên gia đình đều phân tích và động viên vợ chồng về đoàn tụ được. Từ tháng 10/2020 vợ chồng H - Q mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình đều mong muốn chị H và anh Q về đoàn tụ để nuôi dạy con chung; nếu hai bên vẫn cương quyết xin ly hôn thì gia đình sẽ tôn trọng quyết định cuối cùng của chị H, anh Q.

Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Q và xin được nuôi con chung; không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ quan điểm không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ với chị H; nếu vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con chung; chị H không yêu cầu anh cấp cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí; anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, để giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và xử cho chị H được ly hôn anh Q; giao cho chị H được tiếp tục nuôi con chung, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con; không xem xét, giải quyết về tài sản; chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BK ngày 30/9/2017, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q là hợp pháp.

Chị H, anh Q cũng như đại diện hai bên gia đình đều thừa nhận và khẳng định cuộc sống gia đình, cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh Q thời gian qua hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính nết vợ chồng không hợp nhau và do anh Q hay dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị H thời gian qua là đúng và mâu thuẫn đó ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu xin được ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

Anh Q khẳng định vẫn còn tình cảm, vẫn còn yêu thương chị H, nhưng trong thời gian qua Tòa án đã 03 lần hòa giải, chị H vẫn cương quyết xin được ly hôn, trong khi anh Q cũng không có biện pháp cụ thể nào để hóa giải mâu thuẫn, để chứng minh cuộc sống vợ chồng sẽ hạnh phúc khi về đoàn tụ, do vậy không có căn cứ chấp nhận nguyện vọng xin được đoàn tụ của anh Q.

[2] Về con chung:

Chị H và anh Q đều khẳng định có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 01/9/2018, hiện đang ở với chị H. Giai đoạn chuẩn bị xét xử hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh Q thay đổi quan điểm, đồng ý để cho chị Huyện tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này, theo đó sẽ giao con chung là cháu Nguyễn Quốc L cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Chị H được nuôi con chung, nhưng tự nguyện không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, anh Q nhất trí nên Hội đồng xét xử không xét nội dung này.

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định tại điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản: Chị H và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị

quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Chị H và anh Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc L, sinh ngày 01/9/2018, hiện đang do chị H nuôi dưỡng.

Giao cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quốc L cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì quyền lợi của con chung, chị H, anh Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

3. Về tài sản: Chị H, anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001309 ngày 27/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời hạn kháng cáo tính từ ngày 30/3/2021.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát ND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Hưng Yên;
- UBND phường Lam Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thương